

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91 /2021/HSST
Ngày: 13 /11/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hòa;

Ông Phạm Thành Đô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2021/HSST ngày 28 tháng 5 năm 2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST – HS ngày 18 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

Vi Văn C, sinh năm 1985, tại tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, phường K, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn D và Lê Thị L; bị cáo có vợ và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2020 đến nay, (có mặt).

- Bị hại: Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp VT

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Nhật Q, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Số xx, ngõ xx Lê N, thành phố V, tỉnh N

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Nhật Q: Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1984, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số xx, ngõ xx Lê N, thành phố V, tỉnh N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hồ Văn T, sinh năm 1969, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, TT. E, huyện EK, tỉnh Đ.

2. Lưu Thanh Đ, sinh năm 1947, (vắng mặt,)

Địa chỉ: TT B, huyện KA, tỉnh Đ.

3. Đặng Văn M, sinh năm 1956, (vắng mặt).

- Địa chỉ: Thôn 4, xã El, huyện KP, tỉnh Đ.
4. Vũ Thị Kim Q, sinh năm 1973, (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 4, xã ES, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.
5. Nguyễn Trọng C, sinh năm 1958, (vắng mặt).
Địa chỉ: Buôn EC, thị trấn B, huyện KA, tỉnh Đ
6. Y Con Bsinh năm 1975, (vắng mặt).
Địa chỉ: Buôn K, xã CĐ, huyện CM, tỉnh Đ.
7. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972, (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 10, xã ET, huyện CK, tỉnh Đ.
8. Nguyễn Văn N, sinh năm 1959, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn ER, xã D, huyện KR, tỉnh Đ.
9. Hoàng Trung H, sinh năm 1977, (vắng mặt. có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 12, xã TH, huyện BD, tỉnh Đ.
10. Nguyễn Đình C, sinh năm 1967, (vắng mặt. có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 7, xã EP, huyện EK, tỉnh Đ.
11. Bùi Văn T, sinh năm 1960, (vắng mặt).
Địa chỉ: Khu phố ĐT, phường TA, xã BH, tỉnh Đ.
12. Lê Trương C, sinh năm 1975, (vắng mặt)
Địa chỉ: Buôn Trắng M, ga, xã C, huyện CK, tỉnh Đ.
13. Nguyễn Trung K, sinh năm 1968, (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn TP, xã EN, huyện BD, tỉnh Đ.
14. Trần Văn Âm, sinh năm 1972, (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 3, xã ES, huyện EK, tỉnh Đ.
15. Đậu Xuân H, sinh năm 1947, (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn ET, xã EN, huyện KA, tỉnh Đ.
16. Lê Đình T, sinh năm 1975, (vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn EK, huyện TK, tỉnh Đ.
17. Lương Thị T, sinh năm 1974, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 15, xã CP, huyện EK, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp V(sau đây viết tắt là Công ty VT), Mã số doanh nghiệp: 3800424250. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh phân bón. Công ty có trụ sở hoạt động đặt tại: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Công ty có 03 cổ đông, gồm: Ông Nguyễn Nhật Q, ông Nguyễn Trung Đ và bà Trần Thị Thanh H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Nhật Q, chức vụ: Giám đốc Công ty.

Ngày 09/01/2016, Vi Văn C ký hợp đồng lao động với Công ty Việt Tiệp, T gian làm việc theo hợp đồng từ ngày 09/01/2016 đến ngày 09/01/2018. Ngày 14/01/2016, Công ty VT ban hành Quyết định số: 04/2016-QĐBN do ông Nguyễn Nhật Q ký bổ nhiệm C, giữ chức vụ: Nhân viên kinh doanh bán phân bón trên địa bàn tỉnh Đ, thực hiện nhiệm vụ theo quy định chức năng, nhiệm vụ hiện hành của

phòng kinh doanh, công việc cụ thể: Là nhân viên kinh doanh phụ trách địa bàn tỉnh Đ, C chịu trách nhiệm thu nợ các khách hàng mua phân bón của Công ty ở địa bàn tỉnh Đ. Ngày 10/01/2018, C ký phụ lục hợp đồng lao động với Công ty (gia hạn hợp đồng lao động từ ngày 10/01/2018 đến ngày 10/01/2020).

Công ty quy định trong trường hợp nhân viên thu công nợ bằng tiền mặt hoặc khách hàng chuyển khoản thì chậm nhất sau 03 ngày phải nộp hoặc chuyển khoản về cho Công ty. Trong quá trình làm việc, C đã thu nợ của nhiều khách hàng mua phân bón của Công ty ở địa bàn tỉnh Đ. Tuy nhiên, sau khi thu nợ thì C không chuyển đủ tiền về cho Công ty, mà chiếm đoạt một phần số tiền đã thu của khách hàng để sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân. Căn cứ vào hóa đơn chứng từ, bản đối chiếu thu chi công nợ giữa Công ty với C và 19 khách hàng ở địa bàn tỉnh Đ, xác định: Tổng số tiền C chiếm đoạt của Công ty là 605.437.000 đồng, cụ thể như sau:

* Từ Thời điểm trước ngày 01/01/2018 (tức trong năm 2017), sau khi thu được tiền của các khách hàng, C chỉ nộp một phần về cho Công ty, còn lại C chiếm đoạt tổng cộng 199.022.000 đồng, cụ thể:

1. Hội nông dân Thị trấn E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk do ông Hồ Văn Tiệp, sinh năm 1969, HKTT: Tổ dân phố 2, TT. E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk làm đại diện mua phân bón và thiếu nợ Công ty Việt Tiệp:

Năm 2017, C thu tiền của ông Tiệp 35.120.000 đồng, cụ thể: Ngày 04/3/2017 thu 17.700.000 đồng, ngày 12/4/2017 thu 10.510.000 đồng, ngày 28/7/2017 thu 6.910.000 đồng. Thu xong, C chỉ chuyển về Công ty 23.900.000 đồng, C chiếm đoạt 11.220.000 đồng.

2. Năm 2017, Công ty Vxuất kho 2.000kg phân bón trị giá 21.600.000 đồng bán cho Hội cựu chiến binh xã Ea Ning, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk. Do Hội cựu chiến binh xã Ea Ning không mua, C khai mang bán cho ông Nguyễn Văn Trung, ở xã Ea Ning, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk được 21.600.000 đồng. C không chuyển về Công ty, mà C chiếm đoạt 21.600.000 đồng. Qua xác minh, không có ai tên là Nguyễn Văn Trung ở xã Ea Ning, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

3. Năm 2017, ông Lưu Thanh Đ, sinh năm: 1947, ngụ tại TT. B, huyện KA, tỉnh Đắk Lắk có mua phân bón và nợ tiền của Công ty V 182.200.000 đồng, trừ chiết khấu 14.110.000 đồng, còn 168.090.000 đồng. Trong năm 2017, ông Đ đã trả cho C 168.090.000 đồng. Thu xong, C chỉ chuyển về Công ty 106.500.000 đồng, C chiếm đoạt 61.590.000 đồng.

Mậm, ngụ tại thôn 4, xã El, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk làm đại diện. Trong năm 2017 có mua phân bón và nợ tiền Công ty VT Ông Mậm giao cho C 8.600.000 đồng. Cụ thể: Ngày 20/6/2017 trả 5.600.000 đồng, ngày 02/8/2017 trả 3.000.000 đồng. Thu xong, C chiếm đoạt 8.600.000 đồng

5. Năm 2016, Hội phụ nữ xã ES, huyện EK, tỉnh Đ do bà Vũ Thị Kim Q, sinh năm 1973, HKTT: Thôn 4, xã ES, huyện EK, tỉnh Đ làm đại diện mua phân bón thiếu Công ty V168.700.000 đồng.

Trong năm 2017, C thu nhiều lần của bà Q với tổng số tiền là 168.700.000 đồng. Thu xong, C chỉ chuyển về Công ty 156.700.000 đồng, C chiếm đoạt 12.000.000 đồng. Hiện nay bà Q không có mặt ở địa phương.

6. Hội cựu chiến binh xã C, huyện CK do ông Lê Trương C, sinh năm 1975, HKTT: 1975, HKTT: Buôn Trăng M'ga, xã C, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk làm đại diện.

Trong năm 2016, 2017, ông C có mua thiếu phân bón của Công ty Vtông cộng 388.250.000 đồng. Ông C trả cho C trong vào các năm 2016, 2017 và 2018. Thu xong, C chuyển về Công ty 332.030.000 đồng, C chiếm đoạt 56.220.000 đồng (vào năm 2016 và 2017), còn năm 2018, C thu và chuyển đủ về cho Công ty.

7. Năm 2017, ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1968, HKTT: Thôn TP, xã EN, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk mua của Công ty Vphân bón với số tiền 107.910.000.000 đồng.

Ông K đã trả cho C 22.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 29/5/2017 trả 2.000.000 đồng, ngày 18/7/2017 trả 5.000.000 đồng, ngày 22/7/2017 trả 2.000.000 đồng, ngày 25/12/2017 trả 13.000.000 đồng. Thu xong, C chỉ chuyển về Công ty 7.000.000 đồng, C chiếm đoạt 15.000.000 đồng.

8. Hội nông dân xã CP, huyện EK do bà Lương Thị T, sinh năm 1974, HKTT: Thôn 15, xã CP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk làm đại diện mua phân bón thiếu của Công ty VT

Trong năm 2017, Bà T giao tiền cho C nhiều lần tổng cộng 122.287.000 đồng và nhờ ông Lê Quang Trường, sinh năm 1961, HKTT: Tổ dân phố 4, thị trấn EK, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk chuyển 33.205.000 đồng vào ngày 21/03/2017 cho C. Tổng cộng C thu nợ được 155.492.000 đồng. Thu xong, C chỉ chuyển về Công ty 142.700.000đ, C chiếm đoạt 12.792.000 đồng.

* Thời điểm từ ngày 01/01/2018 (tức trong năm 2018), sau khi thu được tiền của khách hàng, C chỉ nộp một phần về cho Công ty, còn lại C chiếm đoạt tổng cộng 406.415.000 đồng, cụ thể:

1. Trong năm 2018, C thu tiền mua phân bón của ông Hồ Văn Tiệp 22.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 11/01/2018 thu 2.000.000 đồng, ngày 07/02/2018 thu 5.000.000 đồng, ngày 12/02/2018 thu 10.000.000 đồng, ngày 05/4/2018 thu 5.0000.000 đồng. Thu xong, C chỉ chuyển về Công ty 10.000.000 đồng, C chiếm đoạt 12.000.000 đồng.

2. Vào năm 2018, Công ty giao cho C đi thu hồi số tiền nợ mà ông Nguyễn Trọng C, sinh năm 1958, HKTT: Buôn EC, TT. B, huyện KA, tỉnh Đắk Lắk nợ Công ty Vkhí mua phân bón. C thu được 271.106.000 đồng. Thu xong, C chỉ chuyển về Công ty 249.106.000 đồng, C chiếm đoạt 22.000.000 đồng.

3. Vào năm 2018, C thu hồi số tiền mà ông Y Con Bya (hay gọi là Y Chon), sinh năm 1975, HKTT: Buôn K B, xã CD, huyện Cư M'ga, tỉnh Đắk Lắk nợ Công ty Vkhí mua phân bón. C thu tiền của ông Y Con Bya 02 lần với tổng số tiền là 55.450.000 đồng, cụ thể: Ngày 27/6/2018 thu 18.000.000 đồng, ngày 08/12/2018 thu 33.450.000 đồng và 4.000.000 đồng tiền bóc xếp. Thu xong, C chỉ chuyển về Công ty 25.000.000 đồng, C chiếm đoạt 30.450.000 đồng.

4. Vào năm 2018, C thu hồi số tiền mà ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972, HKTT: Thôn 10, xã ET, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk mua phân bón nợ Công ty VT Ông Q và ông Phạm Q1 Chức có cùng địa chỉ với ông Q2 góp mua chung và ông Q2

trực tiếp giao tiền và nhận phân bón. Ông Q2 giao trả số tiền 69.600.000 đồng cho C, cụ thể: Ngày 21/5/2018 trả 6.000.000 đồng, ngày 29/5/2018 trả 23.000.000 đồng, ngày 05/6/2018 trả 6.300.000 đồng, ngày 11/6/2018 trả 8.800.000 đồng, ngày 28/8/2018 trả 16.500.000 đồng, ngày 10/10/2018 trả 5.000.000 đồng, ngày 13/11/2018 trả 4.000.000 đồng. Thu xong, C chỉ chuyển về Công ty 56.800.000 đồng, C chiếm đoạt 12.800.000 đồng.

5. Hội nông dân xã D, huyện KR do ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1959, HKTT: Thôn Ea Ruế, xã D, huyện KR, tỉnh Đắk Lắk làm đại diện mua phân bón của Công ty Vtổng cộng 35.805.000 đồng.

Ngày 20/6/2018, ông N trả cho C 7.000.000 đồng, C không chuyển về Công ty mà chiếm đoạt 7.000.000 đồng.

6. Ngày 20/5/2018, ông Hoàng Trung H, sinh năm 1977, HKTT: Thôn 12, xã TH, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk mua của Công ty Vphân bón với số tiền 63.545.000 đồng.

Ngày 25/5/2018, ông H trả cho C 10.000.000 đồng, C không chuyển về Công ty mà chiếm đoạt 10.000.000 đồng.

7. Năm 2018, ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1967, HKTT: Thôn 7, xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk mua của Công ty Vphân bón với số tiền 137.400.000 đồng, trừ chiết khấu 15.500.000 đồng, ông C nợ Công ty 121.900.000 đồng. Ông C trả cho C 114.725.000 đồng, cụ thể: Ngày 08/3/2018 chuyển khoản 20.000.000 đồng, ngày 21/3/2018 chuyển khoản 17.700.000 đồng, ngày 03/5/2018 chuyển khoản 10.025.000 đồng, ngày 15/5/2018 trả 5.000.000 đồng, ngày 21/11/2018 trả 2.000.000 đồng, ngày 10/12/2018 trả 20.000.000 đồng, ngày 12/12/2018 trả 20.000.000 đồng, ngày 24/12/2018 trả 20.000.000 đồng. Thu xong, C chỉ chuyển về Công ty 70.000.000 đồng, C chiếm đoạt 44.725.000 đồng.

8. Năm 2018, ông Bùi Văn T, sinh năm 1960, HKTT: Kp. ĐT, Phường TA, Tx. BH, tỉnh Đắk Lắk mua phân bón của Công ty Vvới số tiền 84.820.000 đồng. Ngày 27/12/2018 ông T trả cho C 32.000.000 đồng. Thu xong, C chỉ chuyển về Công ty 30.000.000 đồng, C chiếm đoạt 2.000.000 đồng.

9. Năm 2018, ông Nguyễn Trung K mua phân bón của Công ty VT Ông K trả cho C 50.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 05/4/2018 trả 4.000.000 đồng, ngày 19/4/2018 trả 20.000.000 đồng, ngày 08/5/2018 trả 14.000.000 đồng, ngày 15/5/2018 trả 6.000.000 đồng, ngày 25/8/2018 trả 6.000.000 đồng. Thu xong, C chỉ chuyển về Công ty 34.000.000 đồng, C chiếm đoạt 16.000.000 đồng.

10. Ông Trần Văn Âm, sinh năm 1972, HKTT: Thôn 3 xã ES, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk mua phân bón Công ty Vvới số tiền 32.700.000 đồng, trừ chiết khấu 2.700.000 đồng. Ông Âm trả cho C 30.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 21/6/2017 đưa 10.000.000 đồng, ngày 23/7/2018 đưa 10.000.000 đồng, tháng 6/2018 chuyển khoản 4.000.000 đồng, ngày 23/12/2018 đưa 6.000.000 đồng. Thu xong, C chỉ chuyển về Công ty 20.000.000 đồng, C chiếm đoạt 10.000.000 đồng vào tháng 6 và tháng 12/2018 khi ông Âm trả tiền.

11. Năm 2018, ông Đậu Xuân H, sinh năm 1947, HKTT: Thôn ET, xã EN, huyện KA, tỉnh Đắk Lắk mua phân bón Công ty Vvới số tiền 106.340.000 đồng, trừ

chiết khấu 2.100.000 đồng, thì ông H phải trả cho Công ty 104.240.000 đồng. Tính đến ngày 18/12/2018 ông H đã trả đủ số tiền nợ cho Vi Văn C. Thu xong, C chỉ chuyển về Công ty 40.000.000 đồng, C chiếm đoạt 64.240.000 đồng.

12. Ông Lê Đình T, sinh năm 1975, HKTT: Tổ dân phố 4, Thị trấn EK, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk có mua phân bón của Công ty V và còn nợ Công ty 15.500.000 đồng. Vào ngày 5/02/2018, ông T đã giao 9.500.000 đồng cho C. Tuy nhiên, C không chuyển về Công ty mà chiếm đoạt 9.500.000 đồng.

13. Năm 2018, Hội nông dân xã Ea Bar, huyện BD, tỉnh Đ có hợp đồng mua phân bón trị giá 52.700.000 đồng của Công ty Việt Tiệp, nhưng không lấy. C khai mang bán cho ông Lê Đức Tâm, ngụ tại xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Ông Tâm trả cho C 52.700.000 đồng, C chuyển về Công ty 10.000.000đ, sau khi trừ 4.000.000 đồng tiền chiết khấu, thì C chiếm đoạt 38.700.000 đồng. Qua xác minh, không có ông Lê Đức Tâm cư ngụ tại xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

14. Năm 2018, Bà Lương Thị T mua phân bón của Công ty V và nhiều lần giao tiền cho C tổng cộng 242.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 27/3/2018 giao 38.000.000 đồng, ngày 09/4/2018 giao 30.000.000 đồng, ngày 27/4/2018 giao 30.000.000 đồng, ngày 15/5/2018 giao 25.000.000 đồng, ngày 15/6/2018 giao 20.000.000 đồng, ngày 21/7/2018 giao 5.000.000 đồng, ngày 08/11/2018 giao 12.000.000 đồng, ngày 10/12/2018 giao 12.000.000 đồng, ngoài ra ngày 31/5/2018 ông Nguyễn Duy Hùng chuyển khoản cho C 30.000.000 đồng, ngày 19/6/2018 Hoàng Thị Mỹ chuyển khoản 20.000.000 đồng, ngày 03/7/2018 Lý Thị Tuyết chuyển khoản cho C 20.000.000 đồng. Thu xong, C chuyển về Công ty 115.000.000 đồng, C chiếm đoạt 127.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Công ty Yêu cầu Vi Văn C bồi thường toàn bộ số tiền 605.437.000 đồng đã chiếm đoạt. Bị cáo C chưa khắc phục hậu quả.

Tại Cáo trạng số 45/CT –VKS.BĐ ngày 27/5/2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Vi Văn C về Tội tham ô tài sản, theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự và Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vi Văn C phạm Tội tham ô tài sản và Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt: Áp dụng c, d khoản 2 Điều 353, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Vi Văn C từ 07 đến 08 năm tù về Tội tham ô tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Vi Văn C từ 02 đến 03 năm tù về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt của hai tội danh đối với bị cáo Vi Văn C.

Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có con còn nhỏ nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Bị cáo Vi Văn C thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT - Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vi Văn C là nhân viên Phòng kinh doanh của Công ty cổ phần Vật tư Nông nghiệp Việt Tiệp, có trụ sở hoạt động đặt tại: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Công ty giao cho C thu tiền nợ của các khách hàng mua phân bón của Công ty ở địa bàn tỉnh Đ. Trong năm 2017 và 2018, C đã thu tiền mua phân bón của 19 khách hàng. Sau khi thu được tiền, C chỉ chuyển một phần tiền về cho Công ty, còn lại chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Tổng cộng Vi Văn C chiếm đoạt nhiều lần vào các năm 2017 và 2018 là 605.437.000 đồng, cụ thể:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Vi Văn C đã phạm vào Tội tham ô tài sản và Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Đối với Tội tham ô tài sản, bị cáo Vi Văn C thực hiện nhiều lần chiếm đoạt số tiền 406.415.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” và “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự. Đối với tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thì tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 199.022.000 đồng, nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Lợi dụng việc quản lý về công tác kế toán của Công ty V chưa được chặt chẽ đã tạo ra kẽ hở cho bị cáo chiếm đoạt tiền bán phân của công ty V trong một thời gian dài. Tại thời điểm trước ngày 01/01/2018 sau khi thu tiền của khách hàng C chỉ nộp về một phần cho Công ty Việt Tiệp, còn lại C chiếm đoạt tổng cộng 199.022.000 đồng. Từ thời điểm 01/01/2018, C tiếp tục thu tiền của tiền của khách

hàng và chỉ nộp về cho Công ty một phần, còn lại C chiếm đoạt tổng cộng 406.415.000 đồng. Do phát hiện và xử lý sau khi Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật. Mặc dù, bị cáo thực hiện cùng một hành vi phạm tội và đều chiếm đoạt của Công ty Vnhưng chia làm 02 giai đoạn trước và sau ngày Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật ngày 01/01/2018 quy định cụ thể về tội danh tham ô tài sản. Theo đó, hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty trước ngày 01/01/2018 của bị cáo đã phạm vào Tội Lạm dụng tín nhiệm, chiếm đoạt tài và hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty Vsau ngày 01/01/2018 đã phạm vào Tội tham ô tài sản. Do Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tại Bộ luật Hình sự 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức hình phạt tương đương nhau. Do đó, căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xem xét xử lý bị cáo Vi Văn C về Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Điều 175 của Bộ luật Hình sự 2015.

Điều 353. Tội tham ô tài sản

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

6. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà tham ô tài sản, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này”.

Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

“1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật Hình sự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả....;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì muốn có tiền tiêu xài, bị cáo lợi dụng vào việc quản lý lỏng lẻo của người bị hại nên bị cáo đã lợi dụng chức vụ mình được giao để chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của pháp nhân, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn ảnh hưởng đến việc kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nhiều lần. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với Tội tham ô tài sản bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Vi Văn C đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo là con em đồng bào, dân tộc thiểu số và có con còn nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Tại khoản 5 Điều 353 thì bị cáo còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có con còn nhỏ nên cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Cần buộc bị cáo Vi Văn C phải trả cho Công ty cổ phần vật tư Nông Nghiệp Vsố tiền 605.437.000 đồng.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Vi Văn C phạm Tội lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản và Tội tham ô tài sản.

Về hình phạt,

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vi Văn C 02 năm (hai năm) tù về Tội lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng c, d khoản 2 Điều 353, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vi Văn C 07 năm (bảy năm) tù về Tội tham ô tài sản.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt của hai tội danh đối với bị cáo Vi Văn C là 09 năm (chín năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2020.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên buộc bị cáo Vi Văn C phải trả cho Công ty cổ phần vật tư Nông Nghiệp Vsố tiền 605.437.000 đồng.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vi Văn C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 28.217.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Thanh